TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/PT-DS

Ngày: 11- 9- 2019

V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Văn Cường
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phúc, bà Đoàn Thị Thanh Thúy
- Thư ký phiên toà: Ông Thái Văn Trung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, để xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2019/TLPT-DS ngày 04 tháng 6 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 09.4.2019, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐ-PT, ngày 29 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1980
- Bà Võ Thị D, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn 2, xã TĐ, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1957
Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn TM, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 14/12/2018, qua lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ thu thập có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa thì nội dung vụ kiện được thể hiện như sau:

Ngày 08/12/2014, bà Nguyễn Thị H có vay mượn của vợ chồng ông H, bà D số tiền là 100.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền do bà H viết thì không ghi thời hạn vay cũng như lãi suất vay; nhưng các bên có thỏa thuận miệng với mức lãi suất là 30.000đồng/1 triệu/tháng. Sau đó, bà H không trả lãi và nợ gốc cho ông bà. Nên, ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho

ông bà 100.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày vay 08/12/2014 đến ngày ông bà làm đơn khởi kiện tháng 12.2018 là 48.000.000 đồng (100.000.000đồng x 48 tháng x 1%/tháng = 48.000.000đồng), tổng cộng cả gốc lẫn lãi là: 148.000.000đồng.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H thừa nhận ngày 08/12/2014, bà có vay của bà D số tiền 100.000.000 đồng như bà D trình bày, lãi suất thỏa thuận là 12.000.000 đồng/tháng/100.000.000 đồng, bà có làm giấy vay tiền cho bà D. Sau đó, bà đã trả 100.000.000 đồng nợ gốc và 51.000.000 đồng tiền lãi cho bà D, nhưng bà không lấy lại giấy vay tiền vì bà D không đưa.Nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 09.4.2019, Tòa án nhân dân huyện H T đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 Phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị D.

1/ Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị D số tiền là 148.000.000đồng (Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).

2/ Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 7.400.000đ án phí DSST.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Võ Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 3.700.000 đồng theo biên lai thu số 0024585 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H T.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quy định lãi chậm trả khi án có hiệu lực pháp luật, quy định về Luật thi hành án dân sự, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19.4.2019, bà Nguyễn Thị H kháng cáo cho rằng trước đây bà có vay của bà Võ Thị D nhiều lần với nhiều số tiền khác nhau, khi vay tiền bà có làm giấy cho bà D, sau đó bà đã trả hết nợ cho bà D; vào ngày 08.12.2014, bà tiếp tục vay của bà Võ Thị D 100 triệu đồng để trả nợ Ngân hàng, sau đó bà đã trả 51 triệu đồng tiền lãi và 100 triệu đồng tiền gốc cho bà D; các giấy vay tiền bà D giữ, bà vẫn chưa lấy lại. Bà không đồng ý trả 100 triệu đồng cho bà D.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả 100 triệu đồng cho bà D; còn về lãi suất bà không kháng cáo, bà cho rằng đã chấp nhận vay thì chấp nhận trả lãi, bà không có ý kiến gì về lãi suất như Tòa án cấp sơ thẩm đã tính.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H: Trong quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm bà H có giao nộp 08 tờ giấy phô từ sổ theo dõi của bà H có nội dung ghi tính toán tiền lãi, tính nợ còn lại, theo dõi hụi… của nhiều người, trong đó có số tiền vay của bà D nhưng không có chữ ký, chữ viết của nguyên đơn. Theo nguyên đơn nội dung các giấy tờ bà H cung cấp là do bà H tự ghi, trong đó có nội dung đóng hụi cho bà D nhưng các nội dung này không liên quan đến việc vay mượn trong vụ án này, bà D chưa nhận bất cứ khoản tiền nào từ bà H. Như vậy, việc bà Hoa cho rằng đã trả đầy đủ cả lãi và gốc cho bà D nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bà đã trả tiền cho bà D nên lời khai của bà là không có căn cứ. Do đó án sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị H trả 100.000.000 đồng cho vợ chồng bà D là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về lãi xuất: Bà H không kháng cáo và tại phiên tòa bà cũng không yêu cầu tính lại lãi nên không xem xét.

Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đề nghị được miễn án phí, do đó theo quy định của pháp luật, bà H là người cao tuổi nên đề nghị hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

Từ những phân tích trên, đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa một phần bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện H T về phần án phí.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét, việc bà Nguyễn Thị H kháng cáo không đồng ý trả nợ 100 triệu đồng (nợ gốc) cho bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H bà Võ Thị D, bị đơn bà Nguyễn Thị H đều thống nhất xác định: *Vào ngày 08.12.2014, bà Nguyễn Thị H có vay của bà Võ Thị D ông Nguyễn Văn H 100 triệu đồng, bà H có làm giấy vay tiền cho bà D, giấy vay tiền này do bà D giữ.*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H khai *bà đã trả 01 lần 100 triệu đồng nợ gốc và 51 triệu đồng tiền lãi cho bà D, khi trả nợ bà không lấy lại giấy vay tiền vì bà D không đưa và bà cũng không yêu cầu bà D ký xác nhận đã nhận tiền của bà*. Nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình; trong khi lời khai này của bà H không được bà D, ông H thừa nhận. Bà D, ông H cho rằng do bà H chưa trả nợ gốc và lãi, nên ông bà vẫn giữ giấy vay tiền của bà H.

[2.2] Bà Nguyễn Thị H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử

buộc bà Nguyễn Thị H trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị D 100.000.000 đồng nợ gốc là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Trong số tiền 148.000.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho ông H, bà D có 48.000.000 đồng tiền lãi. Trong đơn kháng cáo, cũng tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định bà không kháng cáo về lãi suất; bà cho rằng đã chấp nhận vay thì chấp nhận trả lãi, bà không có ý kiến gì về việc tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H sinh năm 1957, là người cao tuổi thuộc diện được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí dân sự. Sau khi làm đơn kháng cáo bà H có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, nên Tòa án cấp sơ thẩm miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà H.

Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, do bà H không làm đơn xin miễn án phí, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm khi được giải thích thì bà H đề nghị được miễn toàn bộ án phí. Do đó, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử phúc thẩm miễn toàn bộ án phí cho bà H, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[5] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST, ngày 09.4.2019 của Tòa án nhân dân huyện H T về án phí;

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 184 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 469, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, các Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị D;

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn H, bà Võ Thị D số tiền là 148.000.000 (Một trăm bốn mươi tám triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án); kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2014, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án 11.9.2019.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện HT;
- Chi cục THADS huyện H T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Tổ HCTP;
- Lưu HS, TDS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Cường